TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày: 21-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Trần Quốc Bảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21-3-2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 06-3-2019 đối với bị cáo: Lê Công T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20-10-1975, tại Hải Dương; NĐKHKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lê Công L và bà Bùi Thị T; Bị có vợ tên Trần Thị H và có 04 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-9-2018 đến ngày 30-01-2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang "bảo lĩnh". Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Lê Công N; Sinh năm: 1974;

Địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Lê Thị H; Sinh năm: 1981; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 8 năm 2018, Lê Công T phát hiện vợ của mình là chị Lê Thị H và anh họ là Lê Công N ở cùng nhau trong nhà nghỉ 369 thuộc thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. T nghi ngờ giữa chị H và anh N có quan hệ bất chính nên vào các ngày 12 và 13 tháng 8 năm 2018, T gọi điện thoại cho anh N đến gặp nhau tại quán cà phê P thuộc thôn T, xã H, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Tại đây, T yêu cầu anh N đưa cho T số tiền 500.000.000 đồng và trừ số tiền vợ chồng T còn nợ anh N là 150.000.000 đồng để T giữ im lặng, không tố giác với vợ anh N và họ hàng, làng xóm việc anh N và chị H cùng nhau vào nhà nghỉ làm phá vỡ hạnh

phúc của gia đình anh N và làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của anh N. T cho anh N thời gian 01 tháng để thu xếp số tiền trên nhưng anh N không đồng ý. Đến ngày 01-9-2018, T tiếp tục điện thoại cho anh N yêu cầu anh N đưa tiền cho T thì anh N hẹn hôm sau gặp. Đến khoảng 14 giờ ngày 05-9-2018, anh N và T hẹn gặp nhau tại quán cà phê H thuộc thị trấn K, huyện G, tại đây T tiếp tục yêu cầu anh N đưa tiền. Anh N lo sợ T tố giác với vợ của mình cùng họ hàng và làng xóm việc anh N và chị H cùng nhau vào nhà nghỉ nên đã đồng ý trừ số tiền của vợ chồng T nợ anh N là 150.000.000 đồng và đồng ý đưa thêm cho T số tiền là 300.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Anh N nói chưa có đủ tiền, đưa trước cho T 100.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng hẹn trong vòng 01 tuần sẽ đưa hết cho T thì T đồng ý. T yêu cầu anh N qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện G Đông Gia Lai để chuyển tiền vào tài khoản của T. Cả hai đến Ngân hàng thì Tg viết giấy nộp tiền, còn anh N cầm tiền đưa cho T nộp vào tài khoản của T. Khi T thực hiện xong giao dịch nộp số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của T thì bị Công an huyện G phát hiện bắt quả tang.

Tại bản Cáo trạng số 09/CTr-VKS ngày 08-02-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Lê Công T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Công T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, không đề nghị áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động vợ của bị cáo là chị Lê Thị H dùng tài sản chung của vợ chồng trả nợ cho bị hại Lê Công N số tiền 150.000.000 đồng và trả lại số tiền cưỡng đoạt đã nhận là 100.000.000 đồng. Anh N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần và thiệt hại gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về xử lý vật chứng: Đối với công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5-6GB, số Imei 966907032230673, màu đen đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số 0165136414 đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước; Về biện pháp cưỡng chế: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã áp dụng biện pháp cưỡng chế phong tỏa số tiền 100.000.000 đồng trong tài khoản số 5005205058238 của Lê Công T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện G Đông Gia Lai do liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và bảo đảm cho việc bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, bị cáo đã dùng tài sản của mình để trả lại cho bị hại số tiền đã cưỡng đoạt là 100.000.000 đồng, bị cáo không bị phạt tiền và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì khác. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hủy bỏ biện pháp cưỡng chế phong tỏa tài sản nói trên.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Công T công nhận vào tháng 8 năm 2018, T phát hiện vợ của mình là chị Lê Thị H và anh họ là Lê Công N ở cùng nhau trong nhà nghỉ 369 thuộc thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai, T nghi ngờ giữa chị H và anh N có quan hệ bất chính nên T đã nhiều lần gọi điện thoại cho anh N đe dọa tố giác với vợ anh N và họ hàng, làng xóm

việc anh N và chị H cùng nhau vào nhà nghỉ làm phá vỡ hạnh phúc của gia đình anh N và làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của anh N và yêu cầu anh N phải đưa tiền cho T để T không tố giác. Đến ngày 05-9-2018, anh N lo sợ T tố giác với vợ của mình cùng họ hàng và làng xóm việc anh N và chị H cùng nhau vào nhà nghỉ nên đã đồng ý trừ số tiền của vợ chồng T nợ anh N là 150.000.000 đồng và đưa thêm cho T số tiền là 300.000.000 đồng, tổng cộng là 450.000.000 đồng theo yêu cầu của T. Anh N đã đưa cho T 100.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng hẹn trong vòng 01 tuần sẽ đưa hết cho T. T yêu cầu anh N qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện G Đông Gia Lai để chuyển tiền vào tài khoản của T. Khi T thực hiện xong giao dịch nộp số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản của T thì bị Công an huyện G phát hiện bắt quả tang như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo T đã thực hiện hết hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của anh N với số tiền 450.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lê Công T đã phạm vào tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến quan hệ nhân thân, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo nên không áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, sau khi phạm tội cũng đã tích cực tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho bị hại để khắc phục hậu quả, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cũng đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có cha vợ là người có công và hoàn cảnh gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, mục đích của bị cáo là chiếm đoạt của bị hại số tiền 450.000.000 triệu nhưng bị hại mới đồng ý xóa số nợ là 150.000.000 đồng và mới thực tế chiếm đoạt được số tiền là 100.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động vợ của bị cáo là chị Lê Thị H dùng tài sản chung của vợ chồng trả nợ cho bị hại Lê Công N số tiền 150.000.000 đồng và trả lại số

tiền cưỡng đoạt đã nhận là 100.000.000 đồng. Anh N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần và thiệt hại gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5-6GB, số Imei 966907032230673, màu đen đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số 0165136414, là vật có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước.

[8] Về biện pháp cưỡng chế: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã áp dụng biện pháp cưỡng chế phong tỏa tài khoản với số tiền 100.000.000 đồng trong tài khoản số 5005205058238 của Lê Công T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện G Đông Gia Lai do liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và bảo đảm cho việc bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, bị cáo đã dùng tài sản của mình để trả lại cho bị hại số tiền đã cưỡng đoạt là 100.000.000 đồng, bị cáo không bị phạt tiền và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định hủy bỏ biện pháp cưỡng chế phong tỏa tài khoản nói trên.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Công T phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Công T 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-9-2018 đến ngày 30-01-2019.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5-6GB, số Imei 966907032230673, màu đen đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số 0165136414 (có đặc điểm như nội dung biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28-02-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai).

- Áp dụng các Điều 130, Điều 278 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp cưỡng chế phong tỏa tài khoản với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trong tài khoản số 5005205058238 của Lê Công T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện G Đông Gia Lai.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Công T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21-3-2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích thủ tục, phạm vi kháng cáo*)

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã H;
- Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh G;
(khi án có hiệu lực pháp luật);
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA; THAHS,THADS;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính